

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 19 - 6 - 2020

Về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Thương và ông Hoàng Thanh Mai.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch: ông Đinh Văn Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2020, về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987; trú tại: thôn 1 P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1993; trú tại: thôn 1 P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đã được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn Hoàng Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị O kết hôn với nhau vào ngày 25/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 08 năm tại bên nhà chồng, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, trong cuộc sống thường bất đồng quan điểm, đặc biệt chị O đã bỏ đi và về nhà bố, mẹ của chị O sinh sống từ ngày 30 tết âm lịch năm 2019 cho đến nay, chị O không có trách nhiệm với gia đình và con cái, kể từ đó vợ chồng sống ly thân nhau, anh là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con, chị O không hề đóng góp nghĩa vụ nuôi con cùng anh, tuy nhiên khi đặt vấn đề ly hôn thì chị O không đồng ý và sau đó cũng không phối hợp làm việc với Tòa án, gây khó khăn cho anh. Nay xét thấy trong cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và không thể kéo dài cuộc sống chung, mục đích hôn

nhân không đạt được, nên anh làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị O để tìm kiếm cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Hoàng Anh T, sinh ngày 03/12/2008 và Hoàng Khánh L, sinh ngày 19/01/2012. Sau khi ly hôn anh xin được hai nuôi con chung và không yêu cầu chị O đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phía bị đơn trình bày: Quá trình tìm hiểu, kết hôn, thời gian chung sống và con chung như anh T đã trình bày và khẳng định hiện nay vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không hoà hợp nhau, thường bất đồng quan điểm và anh T thường hay bạo lực, đánh đập chị. Thời gian 30 tết âm lịch năm 2019, anh T tiếp tục đánh đập chị, nên chị đã về nhà bố mẹ của chị để sinh sống, sau đó chị đã đi làm ăn ở Miền Nam cho đến nay, ở nhà anh ấy đã ngoại tình với người phụ nữ khác, vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình, muốn ly hôn chị để đến với người phụ nữ đó. Bản thân chị không đồng ý ly hôn vì lý do hai con đang còn nhỏ cần tình cảm của ba, mẹ để nuôi nấng trưởng thành.

Tại bản tự khai ngày 26/02/2020 chị O khai bổ sung: Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con Hoàng Khánh L, còn con Hoàng Anh T giao cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Gồm 01 ngôi nhà cấp 4 làm trên diện tích đất 100m² tại địa chỉ: thôn 1 P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình và yêu cầu Toà án giải quyết theo pháp luật, ngoài ra không có nợ chung. Trên cơ sở yêu cầu của chị O Toà án đã thông báo cho chị O bổ sung tài liệu, chứng cứ để giải quyết, nhưng chị O không phối hợp và đi khỏi địa phương, vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Ở giai đoạn xét xử sơ thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn T để xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị O.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên là Hoàng Anh T, sinh ngày 03/12/2008 và Hoàng Khánh L, sinh ngày 19/01/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị O không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng anh T. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị O có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị O thực hiện quyền này, khi cần thiết một trong các bên đương sự cũng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho chị O và chị O đã gửi ý kiến phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện của anh T cho Toà án, đồng thời sau đó đã đến Toà án trình bày với nội dung như đã nêu trên. Tiếp đến Toà án đã thông báo cho chị O bổ sung tài liệu, chứng cứ để giải quyết về phần tài sản do chị có nài ra, nhưng chị O không phối hợp và đi khỏi địa phương, vắng mặt không có lý do chính đáng.

Ngày 29/4/2020 anh Hoàng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt gửi Toà án.

Ngày 07/5/2020 Toà án nhân dân huyện Bồ Trách đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, đồng thời gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 22/5/2020 cho chị Nguyễn Thị O. Tuy nhiên chị O vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do chính đáng. Toà án đã ra quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định thời gian xét xử vụ án và gửi cho chị O, nhưng tại phiên tòa ngày 19/6/2020, chị O tiếp tục vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng.

Do đó căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị O kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống theo các bên đương sự trình bày cuộc sống hạnh phúc được 08 năm, sau đó vì nhiều lý do khác nhau mà phát sinh mâu thuẫn như đã trình bày ở trên, vợ chồng sống ly thân nhau đã một thời gian, trong cuộc sống không ai còn quan tâm đến ai, nên phía anh T yêu cầu được ly hôn, nhưng phía chị O có lúc thì không nhất trí ly hôn, có lúc thì đặt trường hợp nếu ly hôn thì nguyện vọng xin được nuôi con nhỏ, chứng tỏ quan điểm của chị O không thống nhất và chị O không có phương pháp để dung hoà mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án Toà án đã triệu tập các bên đến để hoà giải, nhưng chỉ được một lần các bên có mặt tham gia, sau đó thì chị O bỏ đi khỏi địa phương không để lại địa chỉ nơi đến, do đó Toà án không thể tiến hành hoà giải để phân tích, giải thích cho các đương sự thấy được ưu, nhược điểm của bản thân, dung hoà mâu thuẫn trở về chung sống. Vì thế Toà án đã tiến hành xác minh người nhà của chị O thì được họ cho biết:

Quá trình tìm hiểu, kết hôn, thời gian chung sống và con chung như anh T, chị O đã trình bày, nhưng về mâu thuẫn vợ chồng, tài sản chung thì họ không biết cụ thể mà chỉ thấy thời gian gần đây chị O một mình bỏ nhà chồng về nhà bố mẹ để sinh sống, sau đó khoảng 02 tháng thì vào Miền Nam để làm ăn, không rõ địa chỉ. Hiện nay chị O biết Toà án đang tiến hành các bước tố tụng để giải quyết vụ án, nhưng chị O có nói với họ là tùy Toà án giải quyết chứ chị O không về.

Đặc biệt trong tất cả các lần làm việc với Toà án, anh T đều một mực cương quyết ly hôn chị O với lý do không thể tiếp tục chung sống với chị O được nữa, chứng tỏ phía anh T không còn tình cảm gì với chị O, còn chị O mặc dù có ý kiến

không đồng ý ly hôn , nhưng không tìm cách cải thiện mâu thuẫn , cải thiện mối quan hệ tình cảm giữa các bên mà còn thờ ơ, bỏ nhà ra đi làm ăn , vô trách nhiệm với chồng, con. Xem xét mối quan hệ hôn nhân giữa các bên , Hội đồng xét xử thấy: Tình cảm vợ chồng là phải xuất phát từ hai phía , các bên trong cuộc phải có trách nhiệm và hành động yêu thương , giúp đỡ, chia sẻ, đùm bọc... lẫn nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình chứ không phải chỉ là những lời nói suông để níu kéo và ràng buộc hôn nhân , xem xét tình hình thực tế thấy rằng , mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị O đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục , mục đích hôn nhân không đạt được , do đó nghỉ cần xử cho anh T được ly hôn chị O là có căn cứ.

[2.2] Về quan hệ con cái:

Vợ chồng có 02 con chung tên là Hoàng Anh T , sinh ngày 03/12/2008 và Hoàng Khánh L , sinh ngày 19/01/2012. Sau khi ly hôn anh T xin được hai nuôi con chung và không yêu cầu chị O đóng góp phí tổn nuôi con chung . Còn chị O có nguyện vọng nuôi con Hoàng Khánh L và giao con Hoàng Anh T giao cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng trách nhiệm nuôi dưỡng con chưa thành niên là của vợ hoặc chồng khi ly hôn , nguyện vọng của anh T và chị O đều chính đáng, thể hiện trách nhiệm của bố và mẹ đối với con cái . Tuy nhiên xét tình hình thực tế hiện nay hai con đang ở với anh T, còn chị O đi làm ăn ở Miền Nam không rõ địa chỉ, nên mặc dù chị O có nguyện vọng nuôi con Hoàng Khánh L, còn con Hoàng Anh T giao cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng , nhưng không thể giao con cho chị O khi chị O không sinh sống tại địa phương và hiện nay không rõ địa chỉ ở đâu và làm gì, mặt khác theo anh T thì khi quan hệ hôn nhân đang tồn tại mà chị O không hề có trách nhiệm gì với con , nên anh cũng không trông chờ gì ở chị O và cam kết có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con trưởng thành , hơn thế nữa nguyện vọng của các con xin được ở với anh T. Do đó trước mắt cần giao hai con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo cho con ổn định tâm sinh lý, phát triển thể chất bình thường . Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con . Việc anh T không yêu cầu chị O đóng góp phí tổn nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần chấp nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản : Phía anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn phía chị O có nại ra vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4 làm trên diện tích đất 100m² tại địa chỉ: thôn 1 P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình và yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật, ngoài ra vợ chồng không có nợ chung. Tuy nhiên sau đó Tòa án đã thông báo cho chị O bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết, nhưng chị O không phối hợp và đi khỏi địa phương, vắng mặt không có lý do chính đáng, nên không thể tiến hành các bước tố tụng để xem xét giải quyết theo yêu cầu của chị O trong vụ án này. Nếu sau này nếu có tranh chấp và có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ kiện “Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn” là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí vụ kiện: Anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị O.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Hoàng A nh T, sinh ngày 03/12/2008 và Hoàng Khánh L , sinh ngày 19/01/2012 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị O không phải đóng góp phí tổ n nuôi con chung cùng anh T. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị O có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở chị O thực hiện quyền này, khi cần thiết một trong các bên đương sự cũng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Buộc anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2017/0003375 ngày 05/02/2020, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo : Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAQB;
- VKSND huyện BT;
- Chi cục THADSBT;
- UBND xã P;
- Lưu HSVA; Lưu AV;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Quảng

